



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: **1832/QĐ - VPCNCLQG**
ngày **04** tháng 07 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Phòng xét nghiệm – Phòng khám đa khoa MEDLATEC Thành phố
Bắc Ninh số 16**

Medical Laboratory: **Laboratory - MEDLATEC General Clinic, 16 Bac Ninh City**

Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH MEDLATEC Việt Nam**

Organization: **MEDLATEC Vietnam Co., Ltd.**

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hoá sinh**

Field of medical testing: **Biochemistry**

Người phụ trách/ **Vũ Công Thành**

Representative: **Vu Cong Thanh**

Số hiệu/ Code: **VILAS Med 113**

Hiệu lực/ Validation: **từ ngày **04** /7/2025 đến ngày 18/01/2026**

Địa chỉ/ Address: **Số 233, Nguyễn Văn Cừ, Phường Võ Cường, Tỉnh Bắc Ninh**
Nº 233, Nguyen Van Cu Street, Vo Cuong Ward, Bac Ninh Province

Địa điểm/Location: **Số 233, Nguyễn Văn Cừ, Phường Võ Cường, Tỉnh Bắc Ninh**
Nº 233, Nguyen Van Cu Street, Vo Cuong Ward, Bac Ninh Province

Điện thoại/ Tel: **0979868631**

Email: **thanh.vucong@medlatec.com**

Website: **www.medlatec.vn**



[Handwritten signature]

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 113

Lĩnh vực xét nghiệm: Hóa sinh

Discipline of medical testing: Biochemistry

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm (The name of medical tests)	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm (Principle/ Technical test)	Phương pháp xét nghiệm (Test method)
1.	Huyết thanh, Huyết tương (Heparin lithium, NaF) Serum, Plasma (Heparin lithium, NaF)	Định lượng Glucose <i>Determination of Glucose</i>	Hexokinase <i>Hexokinase</i>	MED.BN/QTXX.HS.06 (2022) (Cobas C502)
2.		Đo hoạt độ AST <i>Determination of Aspartate aminotransferase (AST)</i>	Động học enzyme <i>Enzym kinetics</i>	MED.BN/QTXX. HS.01 (2022) (Cobas C502)
3.		Đo hoạt độ ALT <i>Determination of Alanin Aminotransferase (ALT)</i>	Động học enzyme <i>Enzym kinetics</i>	MED.BN/QTXX. HS.02 (2022) (Cobas C502)
4.		Định lượng Ure <i>Determination of Urea</i>	Động học enzyme <i>Enzym kinetics</i>	MED.BN/QTXX. HS.04 (2022) (Cobas C502)
5.		Định lượng Triglycerid <i>Determination of Triglycerid</i>	Enzym so màu <i>Enzymatic Colormetric</i>	MED.BN/QTXX. HS.08 (2022) (Cobas C502)
6.		Định lượng Cholesterol <i>Determination of Cholesterol</i>	Enzym so màu <i>Enzymatic Colormetric</i>	MED.BN/QTXX. HS.09 (2022) (Cobas C502)
7.		Định lượng Acid Uric <i>Determination of Uric acid</i>	Hai điểm cuối <i>Two end point</i>	MED.BN/QTXX. HS.07 (2022) (Cobas C502)
8.		Định lượng Creatinin <i>Determination of Creatinin</i>	Động học enzym <i>Enzymatic kinetic</i>	MED.BN/QTXX. HS.03 (2022) (Cobas C502)
9.		Xác định hàm lượng Beta- HCG <i>Determination of Human Chorionic gonadotropin</i>	Nguyên lý Sandwich <i>Sanwich principle</i>	MED.BN/QTXX.MD.09 (2022) (Cobas E602)

Ghi chú/ Note:

- MED.BN/QTXX: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory development method*
- Trường hợp Phòng xét nghiệm – Phòng khám đa khoa MEDLATEC Thành phố Bắc Ninh số 16 cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Laboratory - MEDLATEC General Clinic, 16 Bắc Ninh City that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

[Handwritten signature]